

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: GIÁO SU**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Ngân hàng – Tài chính**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐÀO VĂN HÙNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **12/6/1960**; Nam ; Nữ   
Quốc tịch: **Việt Nam**; Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **BT1-A111 Khu đô thị Splendoria Bắc An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **Học viện Chính sách và Phát triển, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.**

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: **0903 418 235**;

E-mail: **daohungvan@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1981-1982: **Giảng viên Khoa Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;**

- Từ năm 1982 đến năm 1984: **Đi nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn 10, Quân đoàn 3;**

- Từ năm 1984 đến năm 1994: **Giảng viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;**

- Từ năm 1994 đến năm 1995: **Học Cao học tại Học viện Quản lý Châu Á Phillipines;**

- Từ năm 1995 đến năm 2009: **Giảng viên Khoa Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;**

- Từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2011: **Phó Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**

- Từ tháng 03/2011 đến tháng 6/2020: **Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**

- Từ tháng 6/2020 đến nay: **Giảng viên cao cấp Khoa Tài chính – Ngân hàng, Học viện Chính sách và Phát triển;**

Chức vụ: Hiện nay:

Chức vụ cao nhất đã qua: **Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**

Cơ quan công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**

Địa chỉ cơ quan: **Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.**

Điện thoại cơ quan: **04 37473186;**

Fax: **04 3747 5217**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **20 tháng 02 năm 1989**; số văn bằng: **21\_NH19**; ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kế toán ngân hàng**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**;

- Được cấp bằng ThS ngày **15 tháng 5 năm 1995**; ngành: **Quản lý**, chuyên ngành: **Quản lý phát triển**. Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Học viện Quản lý Châu Á, Phillippines**;

- Được cấp bằng TS ngày **04 tháng 9 năm 2001**; số văn bằng: **01039**; ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng**. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày **01 tháng 11 năm 2006**, ngành: **Kinh tế**.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Thương mại**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

**1) Chính sách tài chính - tiền tệ trong ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng**, như: tác động của chính sách tiền tệ, tài khóa đối với nền kinh tế; điều hành chính sách tiền tệ (lãi suất, lạm phát và tỷ giá) ở Việt Nam; tái cấu trúc nền kinh tế và huy động nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng (đầu tư công, nguồn lực tài chính và FDI).

- Hướng dẫn NCS: Số thứ tự [2], [4], [8], [10], [13] trong mục B.4 (5/13 NCS).

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Trước PGS: Số thứ tự [5], [6] trong mục B.5.I (2/7 sách);

+ Sau PGS: Số thứ tự [1], [4], [5], [6], [7], [8], [11], [12] trong mục B.5.II (8/12 sách).

- Đề tài khoa học:

+ Trước PGS: Số thứ tự [1], [5] trong mục B.6.I (2/5 đề tài);

+ Sau PGS: Số thứ tự [1], [3], [6], [7] trong mục B.6.II (4/7 đề tài);

- Bài báo khoa học:

+ Trước PGS: Số thứ tự [2], [8], [9] trong mục B.7.I (3/9 bài báo);

+ Sau PGS: Số thứ tự [1], [5], [6], [7], [8], [9], [11], [14], [16], [18], [19], [20], [21], [22], [26], [27], [28], [33], [34], [35], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [44], [45], [46], [47] trong mục B.7.II (29/47 bài báo).

2) *Phát triển và cải cách hệ thống tài chính*, như: cải cách hệ thống tài chính và vai trò của nhà nước trong phát triển hệ thống tài chính; luận cứ khoa học cho việc hình thành thị trường mua bán nợ ở Việt Nam; hoạt động tài chính vi mô và các rào cản tín dụng với doanh nghiệp.

- Hướng dẫn NCS: [1], [3], [5], [6], [7], [9], [11], [12] trong mục B.4 (8/13 NCS).

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Trước PGS: Số thứ tự [1], [2], [3], [4], [7] trong mục B.5.I (5/7 sách);

+ Sau PGS: Số thứ tự [2], [10] trong mục B.5.II (2/12 sách).

- Đề tài khoa học:

+ Trước PGS: Số thứ tự [2], [3], [4] trong mục B.6.I (3/5 đề tài);

+ Sau PGS: Số thứ tự [5] trong mục B.6.II (1/7 đề tài).

- Bài báo khoa học:

+ Trước PGS: Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [6], [7] trong mục B.7.I (6/9 bài báo);

+ Sau PGS: Số thứ tự [2], [3], [4], [13], [17], [23], [24], [25], [29], [30], [31], [43] trong mục B.7.II (12/47 bài báo).

3) *Nợ công và quản lý nợ công*, như: nghiên cứu cơ sở lý luận về nợ công và quản lý nợ công; ứng dụng mô hình thực nghiệm trong xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam; quản lý nợ công ở Việt Nam theo thông lệ quốc tế.

- Hướng dẫn NCS:

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Trước PGS:

+ Sau PGS: Số thứ tự [3], [9] trong mục B.5.II (2/12 sách).

- Đề tài khoa học:

+ Trước PGS:

+ Sau PGS: Số thứ tự [2], [4] trong mục B.6.II (2/7 đề tài).

- Bài báo khoa học:

+ Trước PGS:

+ Sau PGS: Số thứ tự [10], [12], [15], [32], [36] trong mục B.7.II (5/47 bài báo).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **13 NCS** bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **12** đề tài, bao gồm **02** đề tài cấp Nhà nước, **08** đề tài cấp Bộ, **01** đề tài cấp Thành phố;

- Đã công bố (số lượng) **56** bài báo khoa học, trong đó **08** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (**07** bài báo là tác giả chính);

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **19** sách, trong đó **01** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Năm 2010 – 2015: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 6 năm;

- Năm 2014: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ;

- Năm 2015: Nhận 02 Bằng khen của Bộ trưởng;

- Năm 2020: Huân chương Lao động hạng Ba;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Nhà giáo cần phải có đạo đức tốt, yêu nghề và có trình độ, có khả năng nghiên cứu khoa học, có khả năng truyền đạt và lan tỏa kiến thức. Bản thân tôi đã đáp ứng được tiêu chuẩn của Nhà giáo và được người học, đồng nghiệp yêu mến, kính trọng.

**Về công tác giảng dạy và hướng dẫn người học:** Trong 40 năm tham gia công tác giảng dạy, tôi đã đào tạo và hướng dẫn nhiều lứa sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong lĩnh vực Ngân hàng – Tài chính. Trong suốt quá trình này, tôi luôn nỗ lực, cố gắng phấn đấu, rèn luyện, không ngừng học hỏi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để truyền đạt, lan tỏa kiến thức cho người học. Bên cạnh đó, tôi còn tham gia chủ trì biên soạn các tài liệu phục vụ giảng dạy và thiết kế các chương trình đào tạo ở các bậc Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ.

**Về nghiên cứu khoa học:** Xác định rõ công tác giảng dạy phải gắn kết với nghiên cứu khoa học, trong 40 năm qua, tôi đã dành nhiều thời gian và công sức cho nghiên cứu khoa học, với các sản phẩm đa dạng, bao gồm bài báo trong nước, bài báo quốc tế, sách chuyên khảo, giáo trình, đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp Nhà nước và cấp Bộ. Các công trình nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực Ngân hàng – Tài chính, và đã đóng góp vào công tác giảng dạy cho các thế hệ sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **40 năm;**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS								
1	2021-2022	2		4	14	135	90	225/672/270
2	2022-2023	0		0	4	90	105	195/391,5/270
3	2023 - 30/06/2024	0		2	0	135	150	285/480/270

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ: Thành thạo

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....
- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: **Philippines năm 1994 - 1995**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Học viện Chính sách và Phát triển

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Viết bài báo khoa học; sách tham khảo; chuyên khảo bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh trong công việc hàng ngày khi giao tiếp và làm việc cùng các đồng nghiệp nước ngoài.

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ...đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phạm Minh Tú	X		X		2004-2006	Trường ĐHKQTĐ	2009
2	Đoàn Phương Thảo	X		X		2008-2011	Trường ĐHKQTĐ	2011
3	Nguyễn Thị Vân Khánh	X		X		2011-2016	Viện Chiến lược phát triển	2015
4	Trần Mạnh Hùng	X			X	2006-2008	Trường ĐHKQTĐ	
5	Trịnh Thị Thu Huyền	X		X		2015	Trường ĐHKQTĐ	2019
6	Trần Trọng Hưng	X			X	2010-2015	Học viện Tài chính	2015
7	Nguyễn Quang Hiện	X		X		2013-2016	Học viện Tài chính	2016
8	Chu Khánh Lân	X			X	2012-2017	Học viện Ngân hàng	2017
9	Nguyễn Bích Ngọc	X		X		2017-2021	Học viện Ngân hàng	2021
10	Nguyễn Trung Hậu	X		X		2017-2020	Học viện Ngân hàng	2020
11	Trần Long	X			X	2015-2018	Trường ĐHKT – ĐHQGHN	2018

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ...đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
12	Nguyễn Duy Đồng	X		X		2010-2017	Viện Chiến lược phát triển	2017
13	Phạm Hiền Lương	X		X		2016- 2024	Trường ĐHKTTQD	Đã nhận QĐ bảo vệ cấp Trường (472/QĐ-ĐHKTTQD ngày 05/06/2024)
<b>NCS đang trong quá trình hướng dẫn</b>								
1	Nguyễn Quỳnh Nga	NCS		X		2015-nay	Học viện Ngân hàng	Đang trong quá trình làm NCS
2	Nguyễn Thanh Hà	NCS		X		2017- nay	Viện Nghiên cứu QLKTTW	Đang trong quá trình làm NCS

*\*Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS*

*Hướng dẫn NCS theo các hướng nghiên cứu sau:*

- + Hướng nghiên cứu số 1: Số thứ tự [2], [4], [8], [10], [13] (5/13 NCS);
- + Hướng nghiên cứu số 2: Số thứ tự [1], [3], [5], [6], [7], [9], [11], [12] (7/13 NCS);
- + Hướng nghiên cứu số 3:

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>						
1	Study case: People Credit Funds in Vietnam	TK	Development International Desjardns, Canada, 1998	2			
2	Micro finance systems development in Asian transitional economies	TK	Asia Pacific rural and agriculture credit & International fund for agriculture development, 1998	1	MM		
3	Mercado de credit informaly microfinanzas en Vietnam	TK	Banco Interamericano de Desarroll, 2001	1	MM		

4	Informal Credit Market and Microfinance – “Microfinance Sector in Vietnam”	CK	Inter – American Development Bank, 2001	1	MM		
5	Lý thuyết tài chính Tiền tệ	GT	NXB Thống kê, 2002	4		Chương 5, 8,9; (107-129; 175-204; 205-227)	Có xác nhận, thẩm định
6	Priorities and Strategies in Rural Poverty Reduction: Experiences from Latin America and Asia	CK	Inter-American Development Bank 1300 New York Avenue, NW Washington, DC 20577, 2004	21		Chapter 15 “Microfinance Sector in Vietnam”, Trang: 263 - 278	
7	Phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam	TK	Lao động và xã hội, 2005	1	MM		Có xác nhận, thẩm định
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS</b>						
1	Ổn định và phát triển kinh tế: Phân tích chính sách Vĩ mô	TK	NXB KH&KT, 2012	2	Đồng chủ biên	155 – 180; 181 - 198	
2	Cải cách hệ thống tài chính Việt Nam: Động lực và Trở ngại	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	1	MM		Có xác nhận, thẩm định
3	Quản lý nợ công ở Việt Nam: Tiếp cận tới thông lệ Quốc tế	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	1	MM		Có xác nhận, thẩm định
4	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015	2	Chủ biên;	Chương: 1,2,4. Trang: (15-81; 147-210)	Có xác nhận, thẩm định
5	Kinh tế Quốc tế	GT	NXB ĐHQGH, 2015	2	Đồng chủ biên	Chương 10,11; Trang 351-422;	Có xác nhận, thẩm định
6	Nguyên lý Tài chính - Tiền tệ	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	1	Chủ biên		Có xác nhận, thẩm định
7	Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Hà Nội: Rào cản và khuyến nghị	CK	NXB Dân Trí, 2017	2	Chủ biên	Chương 1; 4 Trang 11-45; Trang 171 - 186	Có xác nhận, thẩm định

	chính sách						
8	Ổn định Kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: nhìn từ chính sách tiền tệ	CK	NXB Thanh niên, 2017	1	Chủ biên		Có xác nhận, thẩm định
9	Quản lý Tài chính công	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	11	Chủ biên	Chương 2; 6; 8; 10. Trang 56 - 80; Trang 208 - 240; Trang 271 - 312; Trang 337 - 361.	Có xác nhận, thẩm định
10	Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	Nhiều tác giả	Chủ biên		Có xác nhận, thẩm định
11	Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam: nghiên cứu trường hợp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thời kỳ 2021-2030	CK	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	Nhiều tác giả	Đồng chủ biên		Có xác nhận, thẩm định
12	Phân tích chính sách	GT	NXB Đại học Quốc gia (2019)	Nhiều tác giả	Chủ biên		Có xác nhận, thẩm định

Trong đó: Sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **12** (bao gồm **03** Sách đồng chủ biên);

- Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu **trước** khi ứng viên được công nhận PGS:

- + Hướng nghiên cứu số 01: Số thứ tự [5], [6] trong mục B.5.I (2/7 sách);
- + Hướng nghiên cứu số 02: Số thứ tự [1], [2], [3], [4], [7] trong mục B.5.I (5/7 sách);
- + Hướng nghiên cứu số 03:

- Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu **sau** khi ứng viên được công nhận PGS:



+ **Hướng nghiên cứu số 01:** Số thứ tự [1], [4], [5], [6], [7], [8], [11], [12] trong mục **B.5.II** (8/12 sách);

+ **Hướng nghiên cứu số 02:** Số thứ tự [2], [10] trong mục **B.5.II** (2/12 sách);

+ **Hướng nghiên cứu số 03:** Số thứ tự [3], [9] trong mục **B.5.II** (2/12 sách).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>				
1	Luận cứ khoa học của việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiền tệ trong nền kinh tế thị trường ở nước ta	TK	KX03-08, Đề tài cấp Nhà nước	1992 - 1994	16/4/1994
2	Các giải pháp tăng cường cung cấp tín dụng phục vụ chiến lược xoá đói giảm nghèo tại các tỉnh miền núi phía Bắc	TG	B2000-38-60, Đề tài cấp Bộ	2000-2001	08/6/2001
3	Giải pháp phát triển đồng bộ thị trường tài chính ở Việt Nam	TG	B2001.38.11, Đề tài cấp Bộ	2001-2002	01/7/2002
4	Mô hình ngân hàng chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng chính sách	TG	KNH2001.02	2001-2002	13/11/2002
5	Giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của Hiệp định thương mại Việt – Mỹ tới hệ thống ngân hàng ở Việt Nam	CN	B2004.38.88, Đề tài cấp Bộ	2004 - 2005	23/2/2005
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS</b>				
1	Xây dựng mô hình Seminar thí điểm từ kinh nghiệm của các trường đại học đẳng cấp quốc tế	CN	478/QĐ-BKH, Đề tài cấp Bộ	3/2010-12/2010	31/12/2010
2	Tăng cường thu hút vốn ODA gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng lãnh thổ	CN	20/BKH-HĐKH, Đề tài cấp Bộ	03/2014 – 3/2015	03/03/2015
3	Nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	CN	01X-10/05-2015-2; Đề tài Sở KH&CN Hà Nội	01/2015 – 12/2016	26/12/2016
4	Xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước đội ngũ cán bộ ngành Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2016-2020	CN	Đề án cấp Bộ		
5	Luận cứ khoa học cho việc hình và phát triển thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp	CN	KX.01/16-20, Đề tài cấp Nhà nước	9/2017-12/2019	09/6/2020 Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	và các tổ chức tín dụng của Việt Nam				
6	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2020 và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2030. Kế hoạch 5 năm 2021-2025	CN	1347/QĐ-BKHĐT, đề tài Nhiệm vụ quốc gia	2/9/2019-12/2019	22/4/2020 Đạt
7	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh tế (đặc biệt chú ý các mục tiêu về chất lượng tăng trưởng) của chiến lược 10 năm 2011-2020, nhất là kế hoạch 5 năm 2016-2020, nguyên nhân và các mục tiêu phát triển kinh tế, các phương án tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch 5 năm 2021-2025.	CN	1347/QĐ-BKHĐT, đề tài Nhiệm vụ quốc gia	2/9/2019-12/2019	22/4/2020 Đạt

\* Ghi chú: CN: chủ nhiệm; PCN: phó chủ nhiệm chương trình; TK thư ký; TG: tham gia

- Đề tài khoa học đã nghiệm thu từ trước khi được công nhận chức danh PGS theo các hướng nghiên cứu sau:

- + Hướng nghiên cứu 01: Số thứ tự [1], [5] trong mục B.6.I (2/5 đề tài);
- + Hướng nghiên cứu 02: Số thứ tự [2], [3], [4] trong mục B.6.I (2/5 đề tài);
- + Hướng nghiên cứu 03:

- Đề tài khoa học đã nghiệm thu từ sau khi được công nhận chức danh PGS theo các hướng nghiên cứu sau:

- + Hướng nghiên cứu 01: Số thứ tự [1], [3], [6], [7] trong mục B.6.II (4/7 đề tài);
- + Hướng nghiên cứu 02: Số thứ tự [5] trong mục B.6.II (1/7 đề tài);
- + Hướng nghiên cứu 03: Số thứ tự [2], [4] trong mục B.6.II (2/7 đề tài).

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>							
1	Microfinancial systems development in Asian transitional economies	1	X	Asia Pacific Rural Finance			July-Sep.1998 : 6-14	1998
2	Các trường phái lý thuyết về cung cấp tín dụng cho người nghèo trên thế giới và lựa chọn cách tiếp cận cho Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			43, tr.48-51	2001
3	Cải cách hệ thống tài chính - yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển thị trường tài chính nông thôn Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			C/đề. tr.13-15	2001
4	Hướng tới phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam thông qua việc xóa bỏ trợ cấp qua lãi suất	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			89, tr.14-17	2004
5	Hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam: Thành công và những vấn đề cần hoàn thiện.	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			91, tr.24-27	2005
6	Mở rộng cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			92, tr.20-22	2005
7	Tạo lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô khu vực bán chính thức ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 2815-6056)			2, tr.45-47	2005
8	Hạn chế tác động tiêu cực của Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ tới hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	2	X	Tạp chí tài chính (ISSN: 2615 – 8973)			7(489), tr.45-49	2005
9	Phát triển Bảo hiểm Nông nghiệp dựa trên phương pháp chỉ số ở Việt Nam thông qua kết nối với các tổ chức tài chính	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			102, tr.36-38	2005

<b>II</b>		<b>Sau khi được công nhận PGS</b>						
<i>Tap chí trong nước</i>								
1	Xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020	1	X	Tap chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			227, tr.11-19	2016
2	Phân tích ngành phương pháp luận cho quản trị chiến lược của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	2	X	Tap chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			4, tr.8-11	2007
3	Mô hình phân tích quan hệ giữa độ tiếp cận và tính bền vững tài chính của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam: Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân	3	X	Tap chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			159(I), tr.44-49	2010
4	Nhìn lại chính sách tiền tệ và gợi ý những năm tiếp theo	2	X	Tap chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			3, tr.41-43	2013
5	Nhìn lại kết quả kinh tế vĩ mô năm 2013 và đề xuất một số giải pháp điều hành năm 2014	1	X	Tap chí Ngân hàng (ISSN: 2815-6056)			24, tr.2-6	2013
6	Lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Học viện CS&PT			5, tr.1-39	2013
7	Điều hành Kinh tế vĩ mô Việt Nam 2011-2015: Tiếp cận từ phía Chính sách tài khóa và Chính sách tiền tệ	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Học viện CS&PT			12, tr.1-13	2013
8	Điều hành Kinh tế vĩ mô: Phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	2	X	Tap chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			01, tr.25-29	2014
9	Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2014: Nhìn từ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	1	X	Tap chí Tài chính (ISSN: 2615 – 8973)			4(594), tr.6-9	2014
10	Phân tích sự khác biệt về xác định nợ công của Việt Nam và các tổ chức quốc tế	1	X	Tap chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			II(4), tr.4-8	2016

11	Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô để duy trì đà tăng trưởng năm 2016	1	X	Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 2815-6056)			8, tr.2-7	2016
12	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý trần nợ công và bài học cho Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			Tháng 5(469), tr.170-173	2016
13	Phát triển hệ thống tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	X	Khoa học thương mại (ISSN: 1859-3666, eISSN: 2815-5726)			99, tr.3-11	2016
14	Quan hệ thương mại Việt Trung: Đánh giá qua các chỉ số thương mại	1	X	Nghiên cứu Trung Quốc (ISSN: 0868-3670)			12(184), tr.73-80	2016
15	Xác định ngưỡng nợ công và trần nợ công của Việt Nam giai đoạn 2016-2020	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			227, tr.2-10	2016
16	Kinh tế Việt Nam 2016 và một số khuyến nghị chính sách thúc đẩy tăng trưởng 2017	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			234, tr.2-10	2016
17	The Role of the State in the Development of Viet Nam's Financial System	2	X	The World Bank			tr.50-59	2017
18	Xây dựng bộ tiêu chí đo lường chất lượng tăng trưởng công nghiệp ở địa phương: Trường hợp của Hà Nội	1	X	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			4 (476), tr.56-62	2017
19	Nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh nhằm phát triển thương mại tại thành phố Hà Nội	1	X	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			9 (481), tr.54-61	2017
20	Phân tích các yếu tố tác động nhằm cải thiện thu nhập của người lao động	2	X	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			8 (483), tr.10-19	8/2018
21	Giải pháp điều hành chính sách tiền tệ trong những tháng cuối năm 2018	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			523, 79-81	8/2018
22	Nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh	1	X	Tạp chí Khoa học thương mại			125, tr.11-22	01/2019

	cách mạng công nghiệp 4.0			(ISSN: 1859-3666)				
23	Phát triển khu vực Tài chính – ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	1	X	Tạp chí Cộng sản (ISSN: 2734-9071)			919, tr.68-74	5/2019
24	Hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			1+2 (719+720), tr.41-45	1/2020
25	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thúc đẩy thị trường mua bán nợ ở Việt Nam phát triển	1	X	Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615 – 8973)			Tháng 5/2021 (753), tr.56-59	2021
26	Tác động của một số nhân tố vĩ mô lên tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615 – 8973)			Tháng 6/2023 (803), tr. 5-8	2023
27	Gợi ý phương pháp đánh giá hiệu quả kho bạc trung ương và địa phương cho Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế - Dự báo (ISSN: 1859-4972)			Tháng 12/2023 35(862), 26-30	2023
28	Kịch bản hạ cánh mềm của nền kinh tế Hoa Kỳ và hàm ý chính sách đến nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2024	1	X	Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)			Tháng 5/2024 (824), 164-167	2024
29	Tín dụng cho phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			Tháng 5/2024 (632), 48-53	2024
30	Một số vấn đề đặt ra về chất lượng tài sản và nợ xấu của ngân hàng thương mại hiện nay ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Công Thương (ISSN 0866 – 7756)			Tháng 5/2024 (12), 206-212	2024
31	Giải pháp hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân hướng đến phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 2815-6048)			Tháng 6/2024 (12), 39-47	2024
<b>Tạp chí quốc tế</b>								
32	Evaluation of effectiveness of public debt management in Vietnam	1	X	Sciences of Europe. Economic Sciences (ISSN: 3162-2364)			13(4): 7-13	2017
33	An empirical study of the relation between real	1	X	Scientific and Practical			14(2): 79-85	2017

	effective exchange rate, export and economic growth in Vietnam			Reviewed Journal “Statistics and Economics (ISSN: 2500-3925)				
34	Experimental study on factors affecting the attraction of foreign direct investment in Vietnam	1	X	International journal of business research (ISSN: 1555-1296)			17(2): 101-108	2017
35	Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam	4		International journal of Quality innovation. (Springer International Publishing) (ISSN: 1756-6975, eISSN: 1756-6983)			3(7):1-16	2017
36	Formation and development of the debt trading market in Vietnam	1	X	International Journal of Research in Economics and Social sciences (ISSN: 2249-7382)			7(8):15-27	2017
37	Factors affecting the fluctuation of exchange rate in Vietnam.	1	X	European Journal of Business Research (ISSN: 1945-2977)			18(1):49-57	7/2018
38	The development of marine economy in Vietnam	2	X	European Journal of Management (ISSN: 1555-4015)			18(2):148-154	10/2018
39	Statistical model for empirical analysis of corporate income tax on labor productivity and revenue of enterprises in Vietnam	2	X	International Journal of Applied Mathematics and Statistics (ISSN: 0973-1377, eISSN: 0973-	ISI (ESCI)		59(1): 63-75.	2020

				7545)				
40	The effect of internal migrants on the economic lives of the left-behind elderly in Vietnam	2		Indian Journal of Economics and Development (ISSN: 2277-5412, eISSN: 2322-0430)	ISI (ESCI); Scopus		16(3), 327-336	2020
41	Estimation of factors affecting the financial leverage of enterprises in Vietnam	2	X	Advances and Applications in Statistics (ISSN: 0972-3617)	ISI (ESCI)		69(1): 23-40	2021
42	The impact of capital structure on firm value in Vietnam	3	X	Advances and Applications in Statistics (ISSN: 0972-3617)	ISI (ESCI)		69(2): 115-132	2021
43	Determinants of social performance of MFIs in Vietnam	4	X	Pacific Business Review International (ISSN: 0974-438X)	ISI (ESCI)		14(6)10 7-119	2021
44	The Impact Of Covid-19 On Stock Market Returns In Vietnam	3	X	Journal of Risk and Financial Management (ISSN: 1911-8074)	Scopus Q2		14(9) 441	2021
45	The Central Bank Independence in Relation to Inflation and Growth: An Empirical Evidence from Vietnam	5	X	Universal Journal of Accounting and Finance (ISSN: 2331-9712, eISSN: 2331-9720)	Scopus (2020-2022)		10(2), 465-475	2022
46	Studying the Impacts of Several Macroeconomic Factors on Economic Growth in Vietnam	1	X	Review of Economics and Finance, 2023 (ISSN: 1923-8401, eISSN: 1923-7529)	Scopus Q4		Vol 21, No. 1	12/2023
47	The Impact of Monetary Policy on Economic Growth in Vietnam	1	X	International Journal of Management and Economics Invention (ISSN: 2395-	SJIF 8.47		Vol 10, Issue 06	06/2024



\* Ghi chú: Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín (Scopus, ISI) mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận chức danh PGS: 7 bài Số thứ tự [39], [41], [42], [43], [44], [45], [46] trong mục B.7.II.

- Bài báo khoa học **trước** khi được công nhận chức danh PGS theo các hướng nghiên cứu sau:
  - + Hướng nghiên cứu số 01: Số thứ tự [2], [8], [9] trong mục B.7.I (3/9 bài báo);
  - + Hướng nghiên cứu số 02: Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [6], [7] trong mục B.7.I (6/9 bài báo);
  - + Hướng nghiên cứu số 03:
- Bài báo khoa học **sau** khi được công nhận chức danh PGS theo các hướng nghiên cứu sau:
  - + Hướng nghiên cứu số 01: Số thứ tự [1], [5], [6], [7], [8], [9], [11], [14], [16], [18], [19], [20], [21], [22], [26], [27], [28], [33], [34], [35], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [44], [45], [46], [47] trong mục B.7.II (29/47 bài báo);
  - + Hướng nghiên cứu số 02: Số thứ tự [2], [3], [4], [13], [17], [23], [24], [25], [29], [30], [31], [43] trong mục B.7.II (12/47 bài báo);
  - + Hướng nghiên cứu số 03: Số thứ tự [10], [12], [15], [32], [36] trong mục B.7.II (5/47 bài báo).

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính quốc tế tại khoa Ngân hàng – Tài chính, trường Đại học KTQD	Chủ trì		Trường Đại học KTQD		
2	Xây dựng môn học mới giảng cho chương trình cao học là Tài chính phát triển trên cơ sở chuyển đổi từ môn Tài chính ngân hàng và phát triển kinh tế	Chủ trì		Trường Đại học KTQD		
3	Đề án Mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển, chuyên ngành Quy hoạch phát triển	Chủ trì	Quyết định số 967/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 4520/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2018	
4	Đề án Thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công giữa Học viện Chính sách và Phát triển và trường	Chủ trì	Quyết định số 968/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 443/QĐ-BGDĐT ngày 25/02/2019	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	Đại học Rennes 1, Cộng hòa Pháp					
5	Đề án Mở mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh	Chủ trì	Quyết định số 160/QĐ-HVCSPT ngày 03/04/2018	Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 4761/QĐ-BGDĐT ngày 05/11/2018	
6	Đề án Mở mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển, chuyên ngành Kinh tế phát triển	Chủ trì	Quyết định số 160/QĐ-HVCSPT ngày 03/04/2018	Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 1098/QĐ-BGDĐT ngày 23/04/2019	
7	Đề án Đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng tại Học viện Chính sách và Phát triển	Chủ trì	Quyết định số 934/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2023	Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 3849/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2023	

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: **Không**.

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

**Đào Văn Hùng**